

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43 /2019/ HNGĐ - ST

Ngày 22 - 8 - 2019

"V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con."

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Khắc Tuyn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Tuấn.

2. Ông Trần Hữu Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Duyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42 /2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2019/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ngọc H.

Địa chỉ cư trú: Số nhà X, tổ B, khu N, phường K, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

*** Bị đơn:** Anh Đỗ Văn C.

Địa chỉ cư trú: Số nhà X, tổ B, khu N, phường K, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai, tại phiên hòa giải và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn C tự nguyện về chung sống với nhau có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) K, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh vào năm 2010. Sau khi kết hôn, hai người về chung

sống tại tổ B, khu N, phường K, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc bình thường, nhưng đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C mãi chơi, không chăm lo cho gia đình và do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường cãi vã, chửi bới, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 7 năm 2017, mặc dù đã được gia đình hai bên động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm dành cho anh C không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn anh C.

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung tên là Đỗ Minh P, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2010 và Đỗ Mai T, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2012. Tại đơn khởi kiện chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, nhưng quá trình hòa giải và tại phiên tòa chị đồng ý để anh C nuôi con Đỗ Minh P, còn chị nuôi con Đỗ Mai T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H tự thỏa thuận với anh C, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai và quá trình hòa giải, bị đơn anh Đỗ Văn C trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Nguyễn Thị Ngọc H đúng như nội dung chị H đã trình bày. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh đi làm nhưng tiền lương còn phải dành để trả nợ, nên không có tiền mang về đưa cho chị H, từ đó chị H gây sự và bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó anh thấy chị H sống xa lánh anh và anh cũng mất lòng tin đối với chị H. Nay chị H xin ly hôn, anh thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, tình cảm anh dành cho chị H vẫn còn vì thế anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị H có hai con chung như nội dung chị H đã trình bày. Nếu vợ chồng ly hôn, anh C nhận trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho các con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh C tự thỏa thuận với chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ngày 28 tháng 01 năm 2019 khi được hỏi ý kiến, cháu Đỗ Minh P có nguyện vọng được ở với mẹ. Tuy nhiên, đến ngày 13 tháng 6 năm 2019 cháu Đỗ Minh P thay đổi ý kiến và có nguyện vọng được ở với bố.

* Tại đơn xin xác nhận của chị H ngày 05 tháng 4 năm 2019 và Biên bản xác minh ngày 03 tháng 7 năm 2019 thể hiện qua trình sinh sống, giữa chị H và anh C có sự mâu thuẫn, hai người đang sống ly thân, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống; về điều kiện thì cả chị H và anh C đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng con.

**** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và người làm chứng, quá trình tham gia tố tụng đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định

của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn quá trình tham gia tố tụng chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn anh Đỗ Văn C; giao con chung Đỗ Minh P cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Đỗ Mai T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng cho các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Thủ tục thụ lý, thẩm quyền giải quyết đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H và việc tiến hành các thủ tục tố tụng khác, Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Đỗ Văn C tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật bảo vệ. Cuộc sống chung sau khi kết hôn diễn ra bình thường, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Bản thân anh C cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh mãi chơi dẫn đến nợ nần, đi làm không có tiền về đưa cho chị H để chăm lo gia đình. Mâu thuẫn giữa chị H và anh C dẫn đến chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 7 năm 2017, hai người sống ly thân mỗi người một nơi từ thời điểm đó, không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Như vậy, có thể xác định: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Đỗ Văn C không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng thực sự đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, hai người sống ly thân đã lâu, nên cần chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn anh Đỗ Văn C theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] *Về con chung*: Các đương sự có hai con chung tên là Đỗ Minh P, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2010 và Đỗ Mai T, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2012. Thời gian vợ chồng sống ly thân, các con chung đều ở cùng chị H, được chăm sóc nuôi dưỡng, học tập, phát triển bình thường. Tuy nhiên, chị H cũng đồng ý để anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Minh P, bản thân cháu P đến nay cũng có nguyện vọng được ở với bố. Về phía anh C có mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con nhưng không đưa ra được căn cứ để chứng minh việc chị H không có điều kiện chăm sóc con, trong khi chính bản thân anh C hiện nay điều kiện kinh tế còn đang gặp khó khăn, đi làm tiền lương phải dành để trả nợ. Do đó, cần giao con Đỗ Mai T cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Đỗ Minh P cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, do các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Trong quá trình nuôi dưỡng các con chưa thành niên, nếu xét thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện hoặc lợi ích của con chưa thành niên không được đảm bảo thì căn cứ Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, các đương sự hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Ngọc H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn anh Đỗ Văn C.

2. *Về con chung*:

Chị Nguyễn Thị Ngọc H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên là Đỗ Mai T, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2012 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Đỗ Văn C được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên là Đỗ Minh P, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2010 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Đỗ Văn C không phải cấp dưỡng cho các con.

Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Đỗ Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con. Hai bên cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0003754 ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện KSND thị xã Đông Triều;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THA DS thị xã Đông Triều;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Khắc Tuyn

